

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 45

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12828659/22963793/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

03  
G  
TH  
& J  
CN  
TH  
NI  
A

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>449.535.107.743</b>	<b>310.282.150.991</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>93.974.962.481</b>	<b>94.607.135.889</b>
111	1. Tiền		21.434.962.481	24.265.135.889
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.540.000.000	70.342.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>169.628.692.877</b>	<b>102.122.413.699</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	169.628.692.877	102.122.413.699
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>169.636.205.401</b>	<b>86.910.666.338</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	141.512.138.747	82.442.235.191
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.041.710.365	405.807.882
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.678.953.987	7.429.020.963
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.596.597.698)	(3.366.397.698)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>4.422.934.843</b>	<b>4.208.928.762</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.422.934.843	4.208.928.762
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.872.312.141</b>	<b>22.433.006.303</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	10	11.648.589.763	22.393.647.748
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	223.722.378	39.358.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.214.616.738.490</b>	<b>1.263.463.031.387</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>971.390.814.232</b>	<b>1.011.284.126.648</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	954.484.470.417	993.963.806.221
222	Nguyên giá		2.570.597.078.540	2.570.563.169.449
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.616.112.608.123)	(1.576.599.363.228)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.906.343.815	17.320.320.427
228	Nguyên giá		22.291.322.400	22.291.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.384.978.585)	(4.971.001.973)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.529.017.628</b>	<b>3.298.419.989</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.529.017.628	3.298.419.989
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>116.591.417.484</b>	<b>116.781.700.397</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	5.2	35.422.417.484	35.612.700.397
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3	81.169.000.000	81.169.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>123.105.489.146</b>	<b>132.098.784.353</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.937.726.709	3.737.765.386
269	2. Lợi thế thương mại	15	120.167.762.437	128.361.018.967
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.664.151.846.233</b>	<b>1.573.745.182.378</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>358.475.678.748</b>	<b>358.291.632.975</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>202.578.071.847</b>	<b>146.463.018.578</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		335.425.006	2.184.824.080
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.564.329.070	854.726.999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	42.793.077.611	12.276.364.175
314	4. Phải trả người lao động		4.576.000.412	11.748.181.731
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.419.775.379	4.349.738.081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	101.397.531.320	69.853.532.135
320	7. Vay ngắn hạn	19	46.000.000.000	44.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.491.933.049	1.195.651.377
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>155.897.606.901</b>	<b>211.828.614.397</b>
338	1. Vay dài hạn	19	155.897.606.901	211.828.614.397
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.305.676.167.485</b>	<b>1.215.453.549.403</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.305.676.167.485</b>	<b>1.215.453.549.403</b>
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		386.654.834.756	333.679.600.429
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		233.929.600.429	228.576.594.454
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		152.725.234.327	105.103.005.975
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		284.021.332.729	246.773.948.974
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.664.151.846.233</b>	<b>1.573.745.182.378</b>

Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	348.443.532.016	286.433.881.603
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	348.443.532.016	286.433.881.603
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	24	(94.649.531.345)	(93.343.859.856)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.794.000.671	193.090.021.747
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	3.557.550.816	9.813.693.044
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(9.124.575.116) (9.124.575.116)	(12.853.291.881) (12.853.291.881)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.2	(190.282.913)	(135.987.049)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(24.371.189.411)	(24.252.419.969)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		223.665.504.047	165.662.015.892
31	12. Thu nhập khác		334.446.260	1.916.987.981
32	13. Chi phí khác		(417.223.116)	(983.465.309)
40	14. (Lỗ)/Lợi nhuận khác		(82.776.856)	933.522.672

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

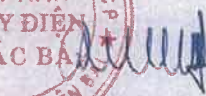
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		223.582.727.191	166.595.538.564
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(33.610.109.109)	(27.680.881.539)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		189.972.618.082	138.914.657.025
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		152.725.234.327	120.286.567.161
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		37.247.383.755	18.628.089.864
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.405	1.847
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.405	1.847



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>223.582.727.191</b>	<b>166.595.538.564</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		48.106.489.709	48.104.367.645
03	Các khoản dự phòng		(769.800.000)	484.310.861
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.367.267.903)	(9.677.705.995)
06	Chi phí lãi vay	25	9.124.575.116	12.853.291.881
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>276.676.724.113</b>	<b>218.359.802.956</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(49.618.038.265)	(2.636.886.435)
10	Tăng hàng tồn kho		(214.006.081)	(905.446.519)
11	Giảm các khoản phải trả		(461.364.038)	(4.751.342.803)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		800.038.677	(196.161.002)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.008.037.818)	(13.612.914.385)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(11.117.845.410)	(3.679.347.810)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.189.730.000)	(3.181.050.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>202.867.741.178</b>	<b>189.396.654.002</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(351.772.091)	(16.954.328.829)
23	Tiền chi cho vay, mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(163.640.000.000)	(130.789.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		76.133.720.822	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(12.250.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.780.544.179	6.461.209.011
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(86.077.507.090)</b>	<b>(153.532.119.818)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
34	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Tiền trả nợ gốc vay		(53.931.007.496)	(49.171.385.603)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(63.491.400.000)	(63.489.900.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(117.422.407.496)	(112.661.285.603)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(632.173.408)	(76.796.751.419)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		94.607.135.889	110.345.444.910
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	93.974.962.481	33.548.693.491

Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 156 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 158 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Công ty cũng có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng
<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn bán điện và cung cấp dịch vụ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ khen thưởng*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất cho công nhân viên, các tập thể trong và ngoài Công ty có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và mang về các giá trị lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội cho Công ty, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định căn cứ các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng công việc đã được thực hiện và xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện tại và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong kỳ chiếm trên 98% tổng doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	81.906.076	76.834.174
Tiền gửi ngân hàng	21.353.056.405	24.188.301.715
Các khoản tương đương tiền (*)	72.540.000.000	70.342.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.974.962.481</u></b>	<b><u>94.607.135.889</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,0%/năm đến 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,1%/năm đến 4,0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	169.628.692.877	169.628.692.877	102.122.413.699	102.122.413.699
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>169.628.692.877</b>	<b>169.628.692.877</b>	<b>102.122.413.699</b>	<b>102.122.413.699</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ trên 3 đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4%/năm đến 5,9%/năm).

**5.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần  
Đầu tư Thủy điện  
Thác Bà 2

**Giá trị đầu tư:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	35.770.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	35.770.000.000

**Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(157.299.603)
- Phần lỗ từ công ty liên kết	(190.282.913)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	(347.582.516)

**Giá trị còn lại:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	35.612.700.397
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	35.422.417.484



## Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	0,6%	32.619.000.000	-	48.000.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	56.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>81.169.000.000</b>	<b>-</b>			<b>81.169.000.000</b>	<b>-</b>	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2022 là 16.000 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2021: 18.800 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu của khách hàng	5.079.211.955	4.428.697.781
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.840.965.910	3.340.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	181.820.819	85.452.851
- Phải thu của khách hàng khác	2.056.425.226	1.002.279.020
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>136.432.926.792</u>	<u>78.013.537.410</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>141.512.138.747</u></b>	<b><u>82.442.235.191</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.596.597.698)	(3.366.397.698)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	3.366.397.698	2.763.793.778
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	-	484.310.861
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(769.800.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>2.596.597.698</u>	<u>3.248.104.639</u>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất trong năm (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	20.000.000.000	Gốc và lãi vay sẽ được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2022	6%	Toàn bộ doanh thu tiền điện kỳ tháng 6 năm 2022 của Nhà máy Thủy điện Nậm Ban 2 phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện số 205/EVNNPC-KD ngày 8 tháng 2 năm 2018 và tất cả các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung liên quan Hợp đồng mua bán điện nêu trên.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>20.000.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	4.380.000.000	4.380.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.360.688.206	583.681.569
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh	71.500.000	71.500.000
Phải thu khác	2.866.765.781	2.393.839.394
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.678.953.987</b>	<b>7.429.020.963</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>4.380.000.000</i>	<i>4.380.000.000</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>5.298.953.987</i>	<i>3.049.020.963</i>

(\*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum ủy thác cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ký ngày 2 tháng 4 năm 2021 và phụ lục kèm theo. Theo như quy định của Hợp đồng Ủy thác này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E toàn quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	3.751.275.885	-	3.824.679.686	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	444.477.880	-	309.562.669	-
Công cụ, dụng cụ	227.181.078	-	74.686.407	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.422.934.843</b>	<b>-</b>	<b>4.208.928.762</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Thuế GTGT được khấu trừ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 phát sinh chủ yếu từ các giao dịch Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng tài sản trong năm 2019 (chủ yếu bao gồm khối nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà máy Thủy điện Mường Hum) từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ trong năm 2019.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.344.802.837.636	1.190.294.798.080	28.271.193.095	6.243.787.138	950.553.500	2.570.563.169.449
- Mua trong kỳ	-	-	-	33.909.091	-	33.909.091
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.344.802.837.636	1.190.294.798.080	28.271.193.095	6.277.696.229	950.553.500	2.570.597.078.540
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	14.703.497.562	506.347.677.284	11.337.900.642	3.951.556.868	850.490.682	537.191.123.038
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	579.155.020.073	974.832.807.901	16.805.282.395	4.883.334.532	922.918.327	1.576.599.363.228
- Khấu hao trong kỳ	20.189.639.161	18.253.130.710	833.747.953	231.723.924	5.003.147	39.513.244.895
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	599.344.659.234	993.085.938.611	17.639.030.348	5.115.058.456	927.921.474	1.616.112.608.123
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	765.647.817.563	215.461.990.179	11.465.910.700	1.360.452.606	27.635.173	993.963.806.221
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	745.458.178.402	197.208.859.469	10.632.162.747	1.162.637.773	22.632.026	954.484.470.417

Công ty con của Công ty đã sử dụng hầu hết các tài sản cố định bao gồm các công trình xây dựng trên đất có nguyên giá là 646.148.157.528 VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>20.558.322.400</u>	<u>1.733.000.000</u>	<u>22.291.322.400</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>20.558.322.400</u>	<u>1.733.000.000</u>	<u>22.291.322.400</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.749.494.542	221.507.431	4.971.001.973
- Hao mòn trong kỳ	<u>205.576.608</u>	<u>208.400.004</u>	<u>413.976.612</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>4.955.071.150</u>	<u>429.907.435</u>	<u>5.384.978.585</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>15.808.827.858</u>	<u>1.511.492.569</u>	<u>17.320.320.427</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>15.603.251.250</u>	<u>1.303.092.565</u>	<u>16.906.343.815</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cải tạo nâng cấp nhà máy Thủy điện Thác Bà	3.298.419.989	3.298.419.989
Chi phí phục vụ công tác nạo vét thanh thải lòng hồ Thủy điện Mường Hum	<u>230.597.639</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.529.017.628</u></b>	<b><u>3.298.419.989</u></b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí sửa chữa lớn	1.546.599.796	2.258.447.177
Công cụ dụng cụ	284.750.000	511.500.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>1.106.376.913</u>	<u>967.818.209</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.937.726.709</u></b>	<b><u>3.737.765.386</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

*Đơn vị tính: VND  
Công ty Cổ phần Thủy  
điện Mường Hum*

**Nguyên giá:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	163.865.130.597
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	163.865.130.597

**Phân bổ lũy kế:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	35.504.111.630
- Phân bổ trong kỳ	8.193.256.530
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	43.697.368.160

**Giá trị còn lại:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	128.361.018.967
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	120.167.762.437

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thuế phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	223.722.378	-	223.722.378
Thuế khác	39.358.555	-	(39.358.555)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.358.555</b>	<b>223.722.378</b>	<b>(39.358.555)</b>	<b>223.722.378</b>

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 28.2</i> )	8.965.038.947	33.610.109.109	(11.117.845.410)	31.457.302.646
Thuế tài nguyên	1.914.024.604	28.772.391.338	(24.938.450.331)	5.747.965.611
Thuế giá trị gia tăng	1.312.407.623	17.773.478.312	(13.544.518.818)	5.541.367.117
Thuế thu nhập cá nhân	84.893.001	1.678.520.455	(1.763.413.456)	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	3.288.406.500	(3.288.406.500)	-
Thuế khác	-	111.401.938	(64.959.701)	46.442.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.276.364.175</b>	<b>85.234.307.652</b>	<b>(54.717.594.216)</b>	<b>42.793.077.611</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	3.187.275.379	4.070.738.081
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	232.500.000	279.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.419.775.379</u></b>	<b><u>4.349.738.081</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ tức phải trả	95.422.491.749	63.663.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	5.290.979.796	3.648.256.992
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	90.000.000	90.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	594.059.775	2.451.383.394
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>101.397.531.320</u></b>	<b><u>69.853.532.135</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>86.122.752.000</i>	<i>57.415.168.000</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>15.274.779.320</i>	<i>12.438.364.135</i>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	44.000.000.000	44.000.000.000	55.931.007.496	(53.931.007.496)	46.000.000.000	46.000.000.000	
	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>55.931.007.496</b>	<b>(53.931.007.496)</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay dài hạn ngân hàng	211.828.614.397	211.828.614.397	-	(55.931.007.496)	155.897.606.901	155.897.606.901	
	<b>211.828.614.397</b>	<b>211.828.614.397</b>	<b>-</b>	<b>(55.931.007.496)</b>	<b>155.897.606.901</b>	<b>155.897.606.901</b>	
	<b>255.828.614.397</b>	<b>255.828.614.397</b>	<b>55.931.007.496</b>	<b>(109.862.014.992)</b>	<b>201.897.606.901</b>	<b>201.897.606.901</b>	

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng/Hợp đồng vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất trong năm (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội</b>				
01/2019-HDDCVDADDT/NHCT106-MHP	201.897.606.901	Gốc và lãi vay trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026	8,1%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thàng và xã Bàn Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.897.606.901</b>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	46.000.000.000
Vay dài hạn	155.897.606.901



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	1.195.651.377	1.573.846.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh số 21.1)	4.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 21.1)	500.000.000	500.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(3.203.718.328)</u>	<u>(2.954.046.783)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.491.933.049</u>	<u>3.119.799.705</u>

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	635.000.000.000	391.826.594.454	205.908.563.965	1.232.735.158.419
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	120.286.567.161	18.628.089.864	138.914.657.025
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(158.750.000.000)	-	(158.750.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	635.000.000.000	348.863.161.615	224.536.653.829	1.208.399.815.444

### Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	635.000.000.000	333.679.600.429	246.773.948.974	1.215.453.549.403
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	152.725.234.327	37.247.383.755	189.972.618.082
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20) (*)	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(95.250.000.000)	-	(95.250.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 20) (*)	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	635.000.000.000	386.654.834.756	284.021.332.729	1.305.676.167.485

(\*) Việc trích lập các quỹ, trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>-</b>

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

Cổ đông	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	635.000.000.000	635.000.000.000
<b>Cổ tức đã công bố</b>	<b>95.250.000.000</b>	<b>158.750.000.000</b>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>63.491.400.000</b>	<b>63.489.900.000</b>

**21.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu	-	158.750.000.000
Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

**22. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	154	167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>348.443.532.016</b>	<b>286.433.881.603</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	341.322.097.793	274.625.175.640
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	7.121.434.223	11.808.705.963
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>348.443.532.016</b>	<b>286.433.881.603</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	7.039.616.041	11.699.615.054
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	341.403.915.975	274.734.266.549

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.525.000.000
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	3.557.550.816	3.288.693.044
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.557.550.816</b>	<b>9.813.693.044</b>

**24. GIÁ VỐN BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	92.687.471.310	91.886.066.711
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.962.060.035	1.457.793.145
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.649.531.345</b>	<b>93.343.859.856</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	9.124.575.116	12.853.291.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.124.575.116</b>	<b>12.853.291.881</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân công	7.555.217.415	7.520.722.844
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	9.541.142.062	9.527.491.599
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu	574.218.419 (769.800.000)	1.476.376.465 484.310.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.801.362.967	1.983.439.331
Chi phí khác	4.669.048.548	3.260.078.869
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.371.189.411</b>	<b>24.252.419.969</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.429.535.831	1.830.537.994
Chi phí nhân công	19.754.939.464	20.695.142.611
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	48.120.478.037	48.104.367.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.801.362.967	5.018.554.241
Chi phí khác	47.063.307.996	42.867.724.245
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.169.624.295</b>	<b>118.516.326.736</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) theo tỉ lệ cho từng nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

*Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2018 đến 2026). Mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho kỳ này là 5%.

*Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032). Thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế trong kỳ này.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>33.610.109.109</u>	<u>27.680.881.539</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.610.109.109</u></b>	<b><u>27.680.881.539</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	223.582.727.191	166.595.538.564
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	36.828.712.250	29.386.608.129
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.638.651.306	1.638.651.306
Chi phí không được khấu trừ khác	270.949.936	241.971.000
Điều chỉnh khác do hợp nhất	38.056.583	27.197.410
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ năm trước chuyển sang	(1.950.764.541)	(440.442.733)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.305.000.000)
Thuế TNDN miễn, giảm	(3.215.496.425)	(1.868.103.573)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>33.610.109.109</u></b>	<b><u>27.680.881.539</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

*Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang từ các năm trước*

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”), công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ theo quy định tại Nghị định 132 phát sinh trong các năm tài chính trước liên tục trong vòng 5 năm sang các kỳ tiếp theo để xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của các kỳ tiếp theo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, công ty con của Công ty có tổng số chi phí lãi vay không được khấu trừ phát sinh trong các năm trước còn được chuyển sang các kỳ tiếp theo là chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển đến năm</i>	<i>Chi phí lãi vay không được khấu trừ</i>	<i>Đã khấu trừ đến ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Còn được khấu trừ</i>	<i>Còn được khấu trừ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
2019	2024	44.172.136.790	(32.231.254.632)	11.940.882.158	11.940.882.158
2020	2025	1.942.081.133	-	1.942.081.133	1.942.081.133
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>46.114.217.923</b>	<b>(32.231.254.632)</b>	<b>13.882.963.291</b>	<b>13.882.963.291</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do tại thời điểm hiện tại Công ty chưa chắc chắn có thể sử dụng phần chi phí lãi vay không được khấu trừ này để giảm thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có mối quan hệ kiểm soát với Công ty và công ty con trong kỳ bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh R.E.E	Công ty mẹ cấp 1
2	Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty và Công ty con trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1	Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
2	Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
4	Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)
5	Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
6	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022) kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
8	Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022) kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
9	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
10	Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
11	Bà Lai Lệ Hương	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
12	Ông Hà Cao Vinh	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
13	Ông Nguyễn Hoài Linh	Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
14	Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
15	Ông Lê Xuân Hợp	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	341.322.097.793	274.625.175.640
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán Ủy thác đầu tư	57.547.752.000 38.365.168.000 -	95.912.920.000 38.365.168.000 2.220.000.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	28.575.000.000 19.050.000.000	47.625.000.000 19.050.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hình	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Lãi tiền cho vay	-	630.410.959
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn Doanh thu cung cấp dịch vụ	- 81.818.182	12.250.000.000 109.090.909

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	136.432.926.792	77.983.537.410
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>136.432.926.792</b>	<b>78.013.537.410</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư	4.380.000.000	4.380.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.380.000.000</b>	<b>4.380.000.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	57.547.752.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức	28.575.000.000	19.050.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>86.122.752.000</b>	<b>57.415.168.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)	18.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	468.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	270.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	285.000.000	270.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	30.000.000	15.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.245.000.000</b>	<b>1.197.000.000</b>

(\*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (trình bày lại)</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>152.725.234.327</b>	<b>120.286.567.161</b>
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	-	(2.984.297.314)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>152.725.234.327</b>	<b>117.302.269.847</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>63.500.000</b>	<b>63.500.000</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.405	1.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.405	1.847

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 31. CÁC CAM KẾT

#### Cam kết về đầu tư góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 68.124.000.000 VND theo Nghị quyết số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Yên Bái, Việt Nam

